

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 699/TTr-STNMT ngày 04 tháng 9 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này Quy định chi tiết Luật Đất đai năm 2024 về các nội dung: hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 139; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 141; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối theo quy định tại khoản 5 Điều 176; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 177; hạn mức giao đất ở tại nông thôn cho cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 195 và hạn mức giao đất ở tại đô thị cho cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 196 (sau đây gọi tắt là hạn mức giao đất ở) Luật Đất đai năm 2024.

2. Hạn mức giao đất ở quy định tại Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp nhà nước giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các trường hợp thuộc chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai năm 2024; các trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất thuộc sở hữu của nhà nước; các khu đất phân lô đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.



2. Hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

### **Điều 3. Hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân**

1. Hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: Không quá 02 ha cho mỗi loại đất.

2. Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm: Không quá 10 ha đối với xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 30 ha đối với xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi.

3. Hạn mức giao đất rừng phòng hộ; đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 30 ha cho mỗi loại đất.

4. Hạn mức giao đất chăn nuôi tập trung và đất nông nghiệp khác: Thực hiện theo dự án hoặc đề án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 10 ha đối với đất chăn nuôi tập trung và không quá 05 ha đối với đất nông nghiệp khác.

5. Hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 05 ha đối với xã, phường, thị trấn ở đồng bằng, không quá 25 ha đối với xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 25 ha.

### **Điều 4. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993**

1. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 như sau:

a) Tại thành phố Đồng Hới: Các phường: Đồng Hải, Hải Thành, Phú Hải, Đồng Phú: 250,0 m<sup>2</sup>; các xã, phường còn lại: 300,0 m<sup>2</sup>.

b) Tại thị xã Ba Đồn:

Các phường: Ba Đồn, Quảng Thọ, Quảng Thuận, Quảng Phúc, Quảng Phong và Quảng Long: 250,0 m<sup>2</sup>; các xã, phường còn lại: 300,0 m<sup>2</sup>.

c) Tại các huyện:

Các thị trấn: 300,0 m<sup>2</sup>; các xã: 400,0 m<sup>2</sup>.

2. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 như sau:

a) Tại thành phố Đồng Hới:

Các phường: Đồng Hải, Hải Thành, Phú Hải, Đồng Phú: 200,0 m<sup>2</sup>; các xã, phường còn lại: 250,0 m<sup>2</sup>.

b) Tại thị xã Ba Đồn:

Các phường: Ba Đồn, Quảng Thọ, Quảng Thuận, Quảng Phúc, Quảng Phong và Quảng Long: 200,0 m<sup>2</sup>; các xã, phường còn lại: 300,0 m<sup>2</sup>.

c) Tại các huyện: Các thị trấn: 300,0 m<sup>2</sup>; các xã: 400,0 m<sup>2</sup>.



**Điều 5. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối**

1. Sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối: không quá 0,5 ha cho mỗi loại đất.
2. Sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm: không quá 1,0 ha.
3. Sử dụng vào mục đích đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất: không quá 5,0 ha cho mỗi loại đất.

**Điều 6. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân**

1. Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối: không quá 20 ha cho mỗi loại đất;
2. Đất trồng cây lâu năm: không quá 100 ha đối với xã, phường, thị trấn ở vùng đồng bằng; không quá 300 ha đối với các xã, phường, thị trấn ở vùng trung du, miền núi.
3. Không quá 300 ha đối với mỗi loại đất:
  - a) Đất rừng phòng hộ;
  - b) Đất rừng sản xuất là rừng trồng.

**Điều 7. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân**

1. Tại thành phố Đồng Hới:
  - a) Các phường: Đồng Hải, Hải Thành, Phú Hải, Đồng Phú: 150 m<sup>2</sup>;
  - b) Các xã, phường còn lại: 200 m<sup>2</sup>.
2. Tại thị xã Ba Đồn:
  - a) Các phường: Ba Đồn, Quảng Thọ, Quảng Thuận, Quảng Phúc, Quảng Phong và Quảng Long: 150 m<sup>2</sup>;
  - b) Các xã, phường còn lại: 250 m<sup>2</sup>.
3. Tại các huyện:
  - a) Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy: 150 m<sup>2</sup>; các thị trấn còn lại: 200m<sup>2</sup>;
  - b) Các xã ở đồng bằng: 250 m<sup>2</sup>;
  - c) Các xã ở trung du, miền núi: 300 m<sup>2</sup>.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2024.
2. Các Quyết định, quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Quy định về hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;

b) Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình Sửa đổi Điều 4 của Quy định về hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Bình.

c) Điều 3 Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình Quy định chi tiết một số nội dung theo quy định của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013.

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 9;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TNMT;
- Vụ Pháp chế-Bộ TNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo QB, Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT, CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Ngọc Lâm**